

triển tài năng. Tuyển sinh viên vào các bậc học cao, các ngành đòi hỏi năng khiếu, năng lực cao và phải đãi ngộ về vật chất, bố trí chỗ làm việc thích hợp sau khi tốt nghiệp dựa trên năng lực, năng khiếu người học.

- Tăng số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy; đối với các nhà lãnh đạo và quản lý giáo dục đào tạo cần có số lượng đủ, cơ cấu hợp lý, có tinh thần thiết tha gắn bó với nghề nghiệp, và có năng lực chuyên môn cao (cả lý thuyết và thực hành). Để làm được điều đó phải:

- + Từng bước giải quyết chế độ tiền lương thỏa đáng (không thấp hơn tiền lương của những cán bộ trong các lĩnh vực hoạt động khác).

- + Đáp ứng đầy đủ tài liệu, sách báo thông tin và các phương tiện vật chất kỹ thuật cho giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

- + Mở rộng giao tiếp với quốc tế.

- Học sinh, sinh viên là đối tượng tiếp nhận giáo dục, đào tạo và tự giáo dục đào tạo. Do đó, phải vừa phát huy quyền chủ động, năng động, sáng tạo, vừa đề cao trách nhiệm trong học tập rèn luyện. Thực hiện dân chủ, công khai, công bằng, tôn trọng nhân cách của học sinh, sinh viên cả trong môi trường nhà trường, trong gia đình và ngoài xã hội. Kết hợp giáo dục đào tạo với tự giáo dục và đào tạo. Kết hợp nhà trường, gia đình, xã hội thành một thể thống nhất của giáo dục, đào tạo toàn diện.

- Xây dựng thêm, tu sửa nâng cấp trường lớp, cơ sở thực hành cho đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu chất lượng giáo dục đào tạo. Phần đầu có đủ sách và tài liệu tham khảo cần thiết cho học sinh, sinh viên, đủ cơ sở thực hành (không còn học chay). Cơ sở thực hành trong các trường Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cần được sử dụng gắn với nghiên cứu, dịch vụ và sản xuất để bảo tồn, tái tạo lại vốn nhằm mở rộng và đổi mới kỹ thuật.

- Chấn chỉnh và phát triển giáo dục đào tạo đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, phải có biện pháp huy động tổng hợp từ nhiều nguồn:

- + Nâng tỷ lệ đầu tư của ngân sách cho giáo dục đào tạo.

- + Mở rộng các hình thức đóng góp của nhân dân bằng việc cho áp dụng chế độ đóng học phí, cho mở trường dân lập, tự túc đi học ở nước ngoài.

- + Tạo điều kiện và khuyến khích các trường tổ chức nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, kết hợp thực hành và kinh doanh dịch vụ để tạo nguồn thu bổ sung cho quỹ giáo dục đào tạo.

ĐCT

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÙNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2000

DẪN NHẬP:

Chiến lược phát triển của một vùng liên quan đến chiến lược phát triển của cả đất nước. Do đó xuất phát điểm của những kiến nghị là tình hình chung, có tính đến đặc điểm vùng.

Nam bộ là một vùng kinh tế khá phát triển so với cả nước (kinh tế hàng hóa phát triển tương đối sớm, chiếm tỷ lệ lớn trong sản lượng lúa gạo cả nước, có vùng đầu khí, TP. HCM chiếm 20% dân số nhưng nộp ngân sách chiếm 30%...), có được sự ưu đãi của tự nhiên. Nhưng về giáo dục thì hiện nay phát triển kém so với cả nước (Theo số liệu thống kê, năm học 88 - 89, số lượng học sinh cấp I bỏ học ở miền Bắc: 10,9%, còn ở miền Nam 14,5%. Cấp II bỏ học ở miền Bắc 21,7%, ở miền Nam 32,28%)

So sánh giữa hai tỉnh:

Thanh Hóa và Bến Tre

Cấp bỏ học Cấp bỏ học

I 15% I 19,4%

II 28,24% II 37,21%

III 18% III 39%

* Chỉ số về giáo dục ở Nam bộ thấp hơn và xấu hơn ở các nơi khác.

Điều đó có những nguyên nhân lịch sử xa (miền đất của dân di dân) và gần (15 năm nay chuyển từ chế độ cũ sang chế độ mới, giáo dục có bị đảo lộn; kém chất lượng hơn do nhập vào hệ thống quản lý "tập trung quan liêu" của ta); ngoài ra, ở địa hình chia cắt, đi lại khó khăn, kinh tế nông nghiệp lạc hậu không cần văn hóa cao, ta chưa đầu tư cơ bản thích ứng cho giáo dục, các cấp lãnh đạo địa phương còn nhận thức ấu trĩ về giáo dục. Ngay trong ngành giáo dục, phần đầu tư kinh phí cho các trường học ở phía Nam trong thời gian qua cũng không được chú ý đúng mức, đối xử với giáo dục, giáo viên chưa xứng với tầm quan trọng của nó. Có mặt tác động của tính thực dụng vào tâm lý cha mẹ học sinh khi nhìn vào đời sống trí thức, thầy giáo, nên con số bỏ học đông (100 học sinh lớp I ở TP. Hồ Chí Minh sau 5 năm còn 66, sau 12 năm còn 9, vào đại học 1).

Điều đó làm nổi bật hiện trạng của giáo dục tại Nam bộ là: trừ một vài trung

tâm lớn, giáo dục ở Nam bộ phát triển chậm hơn miền Bắc, mạng lưới trường thưa hơn, đội ngũ thầy cô giáo ít hơn, truyền thống học sinh đi học không được như một số trường ở miền Bắc.

Với chính sách mở cửa và triển vọng phát triển kinh tế sắp tới thì Nam bộ là nơi cần chất lượng của người lao động và giáo dục phải phát triển như thế nào để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu xây dựng con người, xã hội mới. Do đó đặt ra vấn đề cần có một cái nhìn chiến lược về sự phát triển kinh tế xã hội, đi đến phát triển giáo dục cho vùng Nam bộ.

PHẦN A

Nhìn chung, tuy có sự phát triển về số lượng trường lớp và học sinh ở một số địa phương trong mấy năm gần đây, giáo dục phổ thông ở Nam bộ nằm trong tình trạng giáo dục chung của cả nước vẫn ở trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng, biểu hiện ở: chất lượng giáo dục sút giảm, học sinh bỏ học ngày càng đông, số giáo viên bỏ nghề tăng (1). Cơ sở vật chất, trang thiết bị của giáo dục thiếu thốn, nghèo nàn, đầu tư của nhà nước, tuy đã cố gắng đầu tư ở mức trung bình của thế giới (2), mất cân đối lớn giữa yêu cầu hiện đại hóa giáo dục và sự quá tải của nhà nước; lương giáo viên quá thấp, thầy giáo không được xã hội tôn trọng, vị trí xã hội của thầy giáo ở vào hàng thấp nhất. Mặt khác, đội ngũ thầy giáo, đội ngũ quản lý giáo dục nhìn chung yếu kém không đáp ứng được nhu cầu hiện đại hóa giáo dục làm nòng cốt cho sự phát triển kinh tế xã hội. Đảng và nhà nước tuy trên phát biểu có thừa nhận vai trò quan trọng của giáo dục trong việc tạo ra con người, tạo tiềm năng cho sự cất cánh phát triển kinh tế, song trên thực tế chưa có giải pháp và chính sách cụ thể; ở cấp địa phương, nhận thức và biện pháp lại càng yếu ớt. Sự yếu kém về giáo dục và đào tạo là một trong mấy nguyên nhân cơ bản làm cho đất nước từ nay đến năm 2000 khó thể tiến lên với những bước vững chắc (độ 5%/năm), chưa nói gì đến cất cánh để trở thành một nước công nghiệp mới (NIC) trong thập kỷ đầu của thế kỷ 21,

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

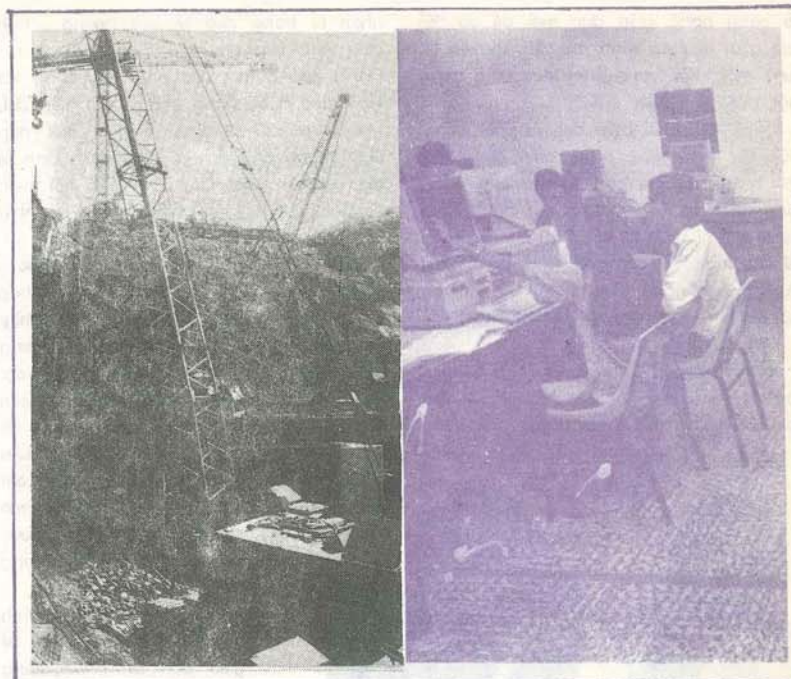
mặc dù có đạt được một số thành tích đáng tự hào trong chiến tranh chủ yếu là về số lượng. Chúng ta hầu như mất đi 3 thập kỷ (60, 70, 80) trong giáo dục đào tạo. Nếu thập kỷ 90 không có một bước ngoặt cách mạng trong giáo dục đào tạo và vẫn lúng túng trong sự vấp những cái cũ, thì nhất định sẽ mất thêm một vài thập kỷ nữa và sự mất đi này, sự thất bại này trong giáo dục sẽ là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thất bại không lường hết được trong xã hội ta, đất nước ta, chế độ ta.

Xuất phát từ đó, chúng tôi cho rằng điểm đầu tiên khi nói đến chiến lược giáo dục (vùng hay toàn quốc) là chiến lược ưu tiên đầu tư. Dù muốn và khó khăn vẫn phải ưu tiên tuyệt đối cho giáo dục, thực hiện lời Chủ tịch Hồ Chí Minh "dù khó khăn gian khổ đến đâu chúng ta nhất định phải dạy tốt - học tốt". Phải huy động toàn lực nhà nước, nhân dân, xã hội đầu tư cho giáo dục, tiết giảm các nguồn chi khác để dành cho giáo dục. Nhưng với mức chi gấp 2 - 3 lần hiện nay, cũng không đủ hiện đại hoá giáo dục, mà chỉ gấp 2 - 3 lần thì trước mắt nhà nước chưa làm được, nên bài toán giáo dục về đầu tư phải đi tìm lời giải ở chỗ khác.

Những giải pháp cụ thể mà chúng tôi đề nghị là:

a. Trên cơ sở kinh tế năm thành phần, cần dứt khoát và nhanh chóng chuyển một bộ phận lớn của giáo dục sang "dân lập" song song với một loạt các biện pháp "chuẩn hóa" các trường quốc lập. Nam bộ và nói chung miền Nam trước đây đã quen với việc này nên việc thực hiện sẽ thuận lợi. Vấn đề là nhà nước và cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành những quy định cụ thể thích hợp và có thanh tra, kiểm tra nghiêm túc. Không đặt ngang bằng việc "dân lập" hóa một bộ phận nền giáo dục với việc "thương mại" hoá giáo dục. Trường "tư thực" kể cả ở bậc đại học có sự tài trợ và giám sát (chủ yếu bằng luật) của Nhà nước là điều phổ biến ở các nước phát triển, không vì thế mà giáo dục bị sút giảm. Việc giáo dục chính trị, đạo đức... trong trường dân lập cũng sẽ có cách thức hữu hiệu.

b. Ở Nam bộ từ nay đến năm 2000 đề nghị chỉ phổ cập đến lớp 3 cho vùng nông thôn ("bao cấp") không đủ sức toàn bộ phổ cập cấp I; ở thành thị 2/3 học hết cấp II để đào tạo thợ, 1/2 thanh niên có trình độ phổ thông trung học. Như vậy một bộ phận cấp I (tùy nơi) và cấp



II, cấp III phải nộp học phí (đối với trường công), và dĩ nhiên nộp học phí nếu là trường tư.

c. Việc xóa nạn mù chữ một cách triệt để rất tốn kém và trong hiện tình sẽ xảy ra tình trạng "tái mù chữ". Rất nhiều nước, kể cả các nước phát triển vẫn có một bộ phận cư dân "mù chữ", nhưng nước đông dân như Ấn Độ, Trung Quốc, tỷ lệ càng lớn. Việc xóa nạn mù chữ do đó chưa cấp bách, chưa đem lại ngay lợi ích thiết thực đồng thời và quá tốn kém nên phải được tính toán lại, để dành tiền chi cho các phần khác của giáo dục.

d. Về toàn quốc, Đại hội 7 của Đảng nên chú trọng đến giáo dục, cử hẳn một đồng chí Ủy viên Bộ chính trị chuyên trách chiến lược giáo dục. Quốc hội ban hành luật giáo dục và tổ chức Đại hội nhân dân về giáo dục. Có biện pháp tổ chức quỹ giáo dục. Từ nay tất cả mọi nguồn thu đều phải trích chi phí cho giáo dục.

e. Tìm mọi nguồn tài trợ trong hợp tác quốc tế, hợp tác khu vực. Nam Việt Nam trước đây là thành viên về giáo dục của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực. Cần tái lập và mở rộng quan hệ này, bằng cách tận dụng các đầu mối quan hệ cũ. Quan tâm nghiên cứu các hệ thống giáo dục của Nhật, Nam Triều Tiên, Mỹ và Pháp.... Kế thừa kinh nghiệm của hệ thống giáo dục miền Nam trước đây. Đẩy mạnh trao đổi khoa học giáo dục, cử

người đi học, đào tạo ở các nước Đông Nam Á và các nước khác. Trên cơ sở tính toán tất cả các sự tiết giảm và tăng thêm về đầu tư, cần hết sức thiết thực hữu hiệu trong các mục tiêu giáo dục từ nay đến năm 2000, cụ thể là:

- Mục tiêu nâng cao dân trí được đặt ra một cách thích hợp với thực trạng kinh tế xã hội.

- Mục tiêu đào tạo người lao động có kỹ năng cao (thợ lành nghề, trung cấp kỹ thuật) được đặc biệt chú trọng.

Giáo dục sẽ không có ý nghĩa và tác dụng nếu chỉ để trang bị kiến thức chung chung, nó phải gắn liền với việc dạy nghề. Hiện nay đây là một vấn đề lúng túng (nghề gì? đào tạo và sử dụng?). Cần tính đến con số rất lớn cán bộ KT trung cấp bỏ nghề trong khi vẫn phải đào tạo (2). Có một độ chênh lớn trong đào tạo nghề và sử dụng nghề do sự phát triển sản xuất chưa có nhu cầu. Vấn đề phải giải quyết từ khu vực sản xuất, sản xuất phải đặt yêu cầu cho giáo dục.

PHẦN B

1. Để thực hiện một bước ngoặt về giáo dục và đào tạo, cần tính toán thay đổi từ mục tiêu, nội dung, phương pháp (công nghệ giáo dục).

a- Khối lượng kiến thức trong thế giới hiện đại tăng rất nhanh (ước tính khoảng 30 năm tăng gấp đôi). Để đất nước ta tiến lên với một tốc độ nhanh, đi kịp thế giới, phải đi vào công nghệ mới. Phải

có công nghệ giáo dục mới để có thể tinh giản chương trình mà vẫn chuyển tải được một khối lượng kiến thức tăng trong một thời gian hạn chế.

Như vậy, phải hiện đại hóa nội dung, hiện đại hoá công nghệ giáo dục. Mục tiêu là đào tạo ra con người năng động sáng tạo, có kỹ năng thực hành cao. Nam bộ, nhất là ở các khu trung tâm, đã tiếp xúc khá sớm với CNTT, với thực hành công nghệ, tương đối có truyền thống học - thực hành (ít "từ chương"), đó là mặt đặc biệt thuận lợi.

b. Mặt khác, trong vùng Nam bộ vẫn còn bảo lưu và bảo lưu khá tốt cái tinh hoa của truyền thống con người Việt Nam:



nhân ái trong đạo lý quê hương, tình cảm quê hương - gia đình - tổ tiên.... Đó là những mặt cần phát huy cộng với việc giáo dục những phẩm chất hiện đại, nhằm tạo ra được con người mới đáp ứng chẳng những việc phát triển kinh tế mà còn ổn định xây dựng xã hội mới. Xã hội hiện nay có nhiều điểm yếu, nhất là việc giáo dục "làm người".

c. Tổ chức lại bộ máy giáo dục - trong đó vấn đề trung tâm là tuyển chọn lại, bồi dưỡng, giáo dục những người thầy "ra thầy") "chuẩn mực" về nhiều phương diện (kiến thức, phương pháp, tư cách, lòng yêu nghề...). Đội ngũ thầy giáo hiện có là sản phẩm của một quan niệm sai lầm về giáo dục (giáo dục là "phi sản xuất", là "phúc lợi", giáo dục được chi phần còn lại của ngân sách, chạy theo số lượng bỏ qua chất lượng v.v...), ước tính đến 50% - 70% không đủ chất lượng để lên đứng lớp.

Phải tuyển lại (bằng thi tuyển định kỳ 2-3 năm/lần) và bố trí lại, đào tạo lại đội ngũ thầy giáo bên cạnh việc tăng tiền lương thích hợp do tiết kiệm từ việc tiết giảm số người và tăng năng suất dạy. Chỉ nguyên việc này đã làm nâng cao năng suất giáo dục gấp bội; xã hội bớt đi gánh nặng phải cho con em "học thêm".

d. Tổ chức lại hệ thống giáo dục, mạng lưới trường, loại hình trường, cụ thể là:

- Bên cạnh việc chăm lo hệ thống "đại trà" phải mở những mũi đột phá chất lượng: các trung tâm, trường "chuẩn" để từ đó rút kinh nghiệm và nhân rộng ra. Việc này thực hiện ở cả phổ thông lẫn đại học (có thể theo phương án chỉ lập 3 Viện Đại học: KH cơ bản, KHKT, KH nhân văn). Từ trên cái nền chung yếu kém, phải nhanh chóng "bút" lên để có đội ngũ, nhân tài, không thể dàn đều, bình quân.

- Sắp xếp lại hệ thống các trường Cao đẳng, THSP, của các tỉnh sáp nhập vào các Đại học Sư phạm ở 2 trung tâm: TP. HCM, Cần Thơ và có 2 cấp đào tạo: 4 năm và 2 năm (DHSP sẽ thành một khoa riêng nếu tổ chức Viện DH).

- Hình thức hệ thống các trường dạy nghề - dạy văn hoá (vấn đề này được nhóm "dạy nghề" nghiên cứu riêng).

- Đặc biệt ưu tiên đầu tư cho DHSP, vực trường từ yếu kém trở thành một đòn bẩy cho hệ thống giáo dục phổ thông và cả cho đại học (tạo ra người thầy "chuẩn" - chất lượng học sinh tốt nghiệp phổ thông - đầu vào các đại học). Liên quan là vấn đề đãi ngộ thầy giáo Đại học Sư phạm, vấn đề trọng dụng trí thức,

ĐÀO TẠO CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI KHU VỰC NAM BỘ ĐẾN NĂM 2000.



NGUYỄN NGỌC CẤN
(Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức)

ĐÀO TẠO CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ LÀ MỘT BỘ PHẬN KHÔNG THỂ TÁCH RỜI CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHU VỰC NAM BỘ ĐẾN NĂM 2000 LÀ MỘT BỘ PHẬN HỮU CƠ TRONG CHIẾN LƯỢC CHUNG CỦA CẢ NƯỚC ĐỂ BƯỚC VÀO THẾ KỶ MỚI. TRONG VÒNG 10 NĂM NỮA, NGÀNH GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ Ở KHU VỰC NAM BỘ CÓ NHỮNG DỰ LIỆU GÌ TRONG THẾ DI CHIẾN LƯỢC CỦA MÌNH? ĐÂY LÀ MỘT NỘI DUNG MÀ CUỘC HỘI THẢO MANG CHỦ ĐỀ TRÊN ĐÃ ĐỀ CẬP ĐẾN.

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ LAO ĐỘNG:

Theo số liệu năm 1989, Nam bộ có số dân 22 triệu người, sinh sống trên diện tích tự nhiên 63.600km², chiếm 34% số dân và 20% diện tích cả nước. Đây là vùng công nghiệp, nông nghiệp với nền kinh tế hàng hoá khá phát triển, có đội ngũ lao động tay nghề cao, năng động, có trình độ văn hoá. Nước phát triển và nhạy cảm với sản xuất hàng hoá. Về nhiều mặt như tài sản cố định, tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, giá trị sản lượng công nghiệp, nông nghiệp, hàng xuất khẩu v.v..., Nam bộ đều chiếm hơn 40% của cả nước.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ